Phụ lục II

TỔNG HỢP DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC TRONG CÁC TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH THUỘC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

(kèm theo quyết định số 628/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

STT	Tên đơn vị/Vị trí việc làm	Cơ cấu ngạch công chức	
		Số lượng công chức	Tỷ lệ %
	TỔNG	**52**	
I	**Vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý**	**22**	
1	Giám đốc	1	
2	Phó Giám đốc	3	
3	Chánh Văn phòng	1	
4	Chánh Thanh tra	1	
5	Trưởng phòng	6	
6	Phó Chánh Văn phòng	2	
7	Phó Chánh Thanh tra	1	
8	Phó Trưởng phòng	7	
II	**Vị trí việc làm công chức chức nghiệp vụ chuyên ngành Lao động - Thương binh và Xã hội**	**17**	
1	**Phòng Quản lý Giáo dục nghề nghiệp**	**3**	
1.1	Chuyên viên chính đào tạo	1	33,33
1.2	Chuyên viên về quản lý kỹ năng nghề	1	33,33
1.3	Chuyên viên về nhà giáo giáo dục nghề nghiệp	1	33,33
2	**Phòng Lao động - Việc làm**	**3**	
2.1	Chuyên viên chính về lao động, tiền lương	1	33,33
2.2	Chuyên viên quản lý lao động ngoài nước	1	33,33
2.3	Chuyên viên việc làm	1	33,33

3	**Phòng Người có công**	**4**	
3.1	Chuyên viên chính người có công	1	25
3.2	Chuyên viên về người có công	3	75
4	**Phòng Bảo trợ xã hội - Trẻ em và Bình đẳng giới**	**4**	
4.1	Chuyên viên chính về bảo trợ xã hội	1	25
4.2	Chuyên viên chính về trẻ em	1	25
4.3	Chuyên viên về giảm nghèo	1	25
4.4	Chuyên viên về bình đẳng giới	1	25
5	**Phòng phòng, chống tệ nạn xã hội**	**3**	
5.1	Chuyên viên chính về phòng, chống tệ nạn xã hội	1	33,33
5.2	Chuyên viên về phòng, chống tệ nạn xã hội	2	66,67
III	**Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung**	**13**	
1	**Văn phòng**	**5**	
1.1	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	1	20
1.2	Chuyên viên chính về hành chính - văn phòng	1	20
1.3	Chuyên viên về quản trị công sở	1	20
1.4	Chuyên viên về quản lý công nghệ thông tin (bao gồm: công nghiệp công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số)	1	20
1.5	Văn thư viên	1	20
2	**Thanh tra**	**3**	
2.1	Thanh tra viên chính về công tác thanh tra	1	33,33
2.2	Thanh tra viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	1	33,33
2.3	Chuyên viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực	1	33,33
3	**Phòng Kế hoạch - Tài chính**	**5**	
3.1	Chuyên viên chính về tổng hợp	1	20
3.2	Chuyên viên về tài chính	2	40

3.3	Kế toán viên	1	20
3.4	Chuyên viên về kế hoạch và đầu tư	1	20
IV	**Vị trí việc làm kiêm nhiệm**		
1	**Văn phòng**		
1.1	Chuyên viên về pháp chế		
1.2	Chuyên viên về thi đua - khen thưởng		
1.3	Chuyên viên về lưu trữ		
1.4	Chuyên viên về cải cách hành chính		
2	**Thanh tra**		
2.1	Thanh tra viên về tiếp công dân và xử lý đơn		
3	**Phòng Kế hoạch - Tài chính**		
3.1	Chuyên viên thủ quỹ		
3.2	Kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán		
4	**Phòng Lao động - Việc làm**		
4.1	Chuyên viên bảo hiểm xã hội		
4.2	Chuyên viên an toàn vệ sinh lao động		
V	**Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ**	**HĐLĐ**	
1	Nhân viên lái xe	2	

TỔNG HỢP CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC TRONG CÁC TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH THUỘC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TT	Đơn vị	Số lượng/loại ngạch công chức			Cơ cấu ngạch công chức	
		Số lượng ngạch công chức	Loại ngạch công chức		Số lượng công chức	Tỷ lệ %
1	*2*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*
1	**Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**	6	**Loại B:**	Chuyên viên chính	8	26,67
				Thanh tra viên chính	1	3,33
			Loại C:	Chuyên viên	18	60
				Thanh tra viên	1	3,33
				Văn thư viên	1	3,33
				Kế toán viên	1	3,33